TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/HS-ST
Ngày: 24-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG,TÌNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa:***Ông Lê Viết Hòa**
*Các Hội thẩm nhân dân:***Ông Hồ Viết Trung**
Ông Lê Trọng Tính
*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:***Ông Vũ Đình Kiên** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng , tỉnh Bình Phước.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng , tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Hoàng Xuân Lưu** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng , tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QDDXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thành Tr (Tên gọi khác: T) - sinh năm: 1996, tại: Bình Phước. Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã LH, huyện PR , tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Lớp: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Nguyễn M - sinh năm 1963; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H - sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Thôn L, xã LH, huyện PR , tỉnh Bình Phước.Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2018 đến nay. (có mặt)

*** Người bị hại:**

Ông Kiều Doãn N – SN: 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã LH, huyện PR , tỉnh Bình Phước.

*** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Vũ Thị T1 – SN: 1994(có mặt)

Địa chỉ: Thôn TP, xã B; huyện PR , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng , tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Thành Tr (Tý) và Phạm Thị T (L), sinh năm 1999, trú tại: thôn B, xã PT, thị xã P L, tỉnh Bình Phước chung sống với nhau như vợ chồng tại phòng trọ thuộc thôn 4, xã LH , huyện PR .

Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 13/6/2018, Nguyễn Thành Tr điều khiển xe môtô biển số: 83D1-028.47 chở Nguyễn Thanh N1 (N1 Ba), sinh năm 1989, trú tại: thôn 9, xã LH , huyện PR đến nhà ông Kiều Doãn N (làm nghề chạy xe ôm), sinh năm 1965, trú tại: thôn 10, xã LH , huyện PR để thuê ông N chở đi công việc. Tr thấy ở sân nhà ông N có dựng 01 xe môtô hiệu BOSS, màu nâu, biển số: 93F6-4074 có sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định trộm. Sau khi ông N chở N1 đi (bằng xe mô tô khác) còn xe 93F6-4074 vẫn để ở sân thì Tr quay về phòng trọ rủ T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Tr điều khiển xe môtô biển số: 83D1-028.47 chở T đến nhà ông N, Tr đứng trong sân quan sát rồi vào tắt bóng điện trước sân nhà ông N còn T vào dắt xe của ông N ra trước cổng nhà và nổ máy xe đi trước, Tr điều khiển xe môtô đi theo sau. Sau khi trộm được xe, T gọi điện thoại cho Vũ Thị T2 thỏa thuận bán xe cho T2 giá 1.000.000 đồng thì T2 đồng ý mua. T điều khiển xe xuống nhà T2 trước còn Tr điều khiển xe về phòng trọ lấy sổ hộ khẩu rồi xuống sau. Khi Tr đến nơi thì T đã bán xe cho T2 và T2 đưa cho T số tiền 300.000 đồng rồi Tr và T điều khiển xe về lại xã LH . Ngày hôm sau T2 đưa T thêm 200.000 đồng và nợ lại 500.000 đồng. Sau khi vụ việc bị phát hiện, T2 đã đưa xe mô tô mua của T lên Cơ quan công an giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐG ngày 19/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện PR xác định: tại thời điểm ngày 13/6/2018 thì 01 (một) xe môtô hai bánh nhãn hiệu Boss, biển số 93F6-4074 mua vào năm 2002 (Theo lời khai của bị hại xe môtô này mua với giá 12.500.000 đồng). (Hội đồng định giá xác định giá trị còn lại của xe môtô hai bánh nhãn hiệu Boss là 20%, thành tiền: 12.500.000 đồng x 20% = 2.500.000 đồng, dựa trên tham khảo Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 28/11/2011 của UBND tỉnh Bình Phước).

Bản cáo trạng số 64/CT-VKSPR ngày 10 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện PR , tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Thành Tr về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành Tr phạm tội trộm cắp tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr từ 12 đến 15 tháng tù.

Ngoài ra đại diện VKS nhân dân huyện PR còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án và các vấn đề khác của vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành Tr thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án thu được, phù hợp với kết luận định giá tài sản, đồng thời phù hợp các tài liệu chứng cứ khácco trong hồ sơ vụ ánđược thẩm tra xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền sử dụng chi tiêu cá nhân nên ngày 13/6/2018 bị cáo Nguyễn Thành Tr và Phạm Thị T lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Kiều Doãn N đã lén lút trộm cắp, chiếm đoạt của ông N xe môtô biển số 93F6-4074 và mang đi bán lấy tiền tiêu xài.

Theo kết luận định giá tài sản 01 xe môtô hai bánh nhãn hiệu Boss, biển số 93F6-4074 mua năm 2002 hiện nay trị giá 2.500.000đồng.

Hành vi của bị cáo phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ và làm chủ được hành vi của mình nhưng vì lười lao động, muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự và lo lắng trong quần chúng nhân dân tại địa phương nơi bị cáo thực hiện việc phạm tội.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng để giáo dục , cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, tự nguyện ra đầu thú; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Đối với đối tượng Phạm Thị T, đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra, khi bắt được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Vũ Thị T1, ngày 13/6/2018 có mua xe biển số 93F6-4074 với số tiền 1.000.000đ, T1 đã trả trước 500.000đ. Hiện Phạm Thị T đã bỏ trốn nên chưa đủ cơ sở xác định T1 phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Cơ quan Điều tra tách ra khi bắt được Phạm Thị T sẽ xem xét xử lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4]Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Nđã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) mà chị Vũ Thị T1 trả cho T tiền mua lại xe môtô. Tại phiên tòa, bị cáo Tr không thừa nhận có lấy số tiền này, chị T1 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này mà tách ra xem xét giải quyết khi xử lý đối với Phạm Thị T.

[5]Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe môtô, biển số 93F6-4074 là tài sản sở hữu hợp pháp của ông Kiều Doãn N, qua ngày 26/6/2018 Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản cho ông N là phù hợp, ông N không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 (một) xe môtô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số: 83D1-028.47 là phương tiện mà Tr và T dùng để đi trộm cắp tài sản Cơ quan tách ra để xem xét xử lý khi bắt được Phan Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 173 thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Tuy nhiên, bị cáo không có tài sản, việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về áp dụng pháp luật và hình phạt đối với bị cáo là có căn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí hình sự bị cáo phải nộp theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thành Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr (Tên gọi khác: Tý) 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2018.

2. **Về trách nhiệm dân sự:**

Không giải quyết

3. **Án phí sơ thẩm:**

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụnghình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 về án phí, lệ phí.

Bị cáo Nguyễn Thành Tr phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện PR ;*
- *Chi cục THADS huyện PR ;*
- *CA huyện huyện PR ;*
- *Bị cáo; người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Viết Hòa